

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3**

Địa chỉ: Lô 24 + 25, Khu Công nghiệp Quang Minh - Mê Linh- Hà Nội

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3**

*Báo cáo Tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
đã được kiểm toán*

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo Kiểm toán	5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12- 27
Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu	28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Lilama 3 là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Xây dựng số 3 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ – BXD ngày 16 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty Cổ phần Lilama 3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22 tháng 06 năm 2006. Đăng ký kinh doanh được cấp lại số 0103034610 ngày 16 tháng 01 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ tư ngày 03 tháng 06 năm 2009. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, đá...)
- Khảo sát thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc;
- Tư vấn thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng (nhà ở...), giao thông (nền đường giao thông, cầu, cống bê tông, chế tạo và lắp đặt kết cấu thép cho các công trình giao thông); công trình thủy lợi (kênh, mương, đê, kè, trạm bơm thủy lợi vừa và nhỏ); các công trình quốc phòng; đường điện và trạm biến thế;
- Trang trí nội thất công trình;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Thiết kế đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hoá lỏng và các chất đốt các loại;
- Kinh doanh xuất khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách đường bộ, đường thủy (theo tuyến cố định và theo hợp đồng); Dịch vụ xếp dỡ hàng hoá đường bộ, đường thủy.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ năm trăm triệu đồng)

Trụ sở chính của Công ty tại:

Lô 24 + 25, Khu Công nghiệp Quang Minh - Mê Linh- Hà Nội

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3**

Địa chỉ: Lô 24 + 25, Khu Công nghiệp Quang Minh - Mê Linh- Hà Nội

---

Công ty Cổ phần Lilama 3 có hai đơn vị thành viên sau:

<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Quan hệ</b>
Xí nghiệp Lilama 3.4	Số 931 – Hùng Vương - Việt Trì	Chi nhánh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lilama 3 tại Vĩnh Phúc	KCN Quang Minh – Mê Linh – Vĩnh Phúc	Chi nhánh

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 là 8.681.010.575 đồng (Năm 2008 lợi nhuận sau thuế là 7.892.516.229 đồng).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2009 là 8.420.648.759 đồng (Năm 2008 lợi nhuận chưa phân phối là 7.126.566.670 đồng).

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm :

Ông Phan Kim Lân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Huy Vũ	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Lê Xuân Á	Thành viên
Ông Phạm Công Hoan	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

Ông Phan Kim Lân	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Huy Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Thước	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tăng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hoan	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Ông Hà Thắng Dũng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Ninh Thị Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán ASNAF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3**

Địa chỉ: Lô 24 + 25, Khu Công nghiệp Quang Minh - Mê Linh- Hà Nội

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục hàng tồn kho công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2009 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty. Công ty đang hoàn tất thủ tục còn lại để phát hành hoá đơn cho giá trị doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa phát hành hoá đơn tài chính trong năm 2009.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009. Báo cáo Tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định doanh nghiệp hoạt động liên tục và phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Phê duyệt Báo cáo Tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần  
Lilama 3 phê duyệt Báo cáo Tài chính cho năm tài  
chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty

*Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010*

**Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc**

**Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc**

**Phan Kim Lân**

Số : /BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
của Công ty Cổ phần Lilama 3*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị  
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 3 được lập ngày 10/02/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên***

- Trong năm, Công ty đã ghi nhận trước doanh thu của một số công trình XD/CB hoàn thành đang thi công nhưng chưa có đầy đủ hồ sơ quyết toán giá trị khối lượng XD/CB hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận.
- Trong tổng doanh thu của công ty đang bao gồm doanh thu nội bộ của Xí nghiệp 3.4 cung cấp cho Công ty.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và những ảnh hưởng của nó (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính thì, xét trên khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2010

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASNAF  
VIỆT NAM  
Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Lê Ngọc Khuê**  
Chứng chỉ KTV số: 0665/KTV

**Nguyễn Văn Bản**  
Chứng chỉ KTV số: 0991/KTV

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2009*

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lilama 3 là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Xây dựng số 3 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ – BXD ngày 16 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ năm trăm triệu đồng)

Trụ sở chính của Công ty tại:

Lô 24 + 25, Khu Công nghiệp Quang Minh - Mê Linh- Hà Nội

Công ty Cổ phần Lilama 3 có các đơn vị thành viên sau:

<b>Tên Doanh nghiệp</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Quan hệ</b>
Xí nghiệp Lilama 3.4	Số 931 – Hùng Vương - Việt Trì	Chi nhánh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lilama 3 tại Vĩnh Phúc	KCN Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc	Chi nhánh

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: kinh doanh và dịch vụ vận tải.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Công ty Cổ phần Lilama 3 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22 tháng 06 năm 2006. Đăng ký kinh doanh được cấp lại số 0103034610 ngày 16 tháng 01 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ tư ngày 03 tháng 06 năm 2009. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, đá...)
- Khảo sát thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc;
- Tư vấn thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng (nhà ở...), giao thông (nền đường giao thông, cầu, cống bê tông, chế tạo và lắp đặt kết cấu thép cho các công trình giao thông); công trình thủy lợi (kênh, mương, đê, kè, trạm bơm thủy lợi vừa và nhỏ); các công trình quốc phòng; đường điện và trạm biến thế;
- Trang trí nội thất công trình;

- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Thiết kế đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hoá lỏng và các chất đốt các loại;
- Kinh doanh xuất khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách đường bộ, đường thủy (theo tuyến cố định và theo hợp đồng); Dịch vụ xếp dỡ hàng hoá đường bộ, đường thủy.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

### **4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2009, không có hoạt động nào ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 3.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### *1.1. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.



Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập tài chính mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### *1.2. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

*2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*2.2 Phương pháp xác định hàng tồn kho cuối kỳ:* Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

*2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25 năm
- Máy móc, thiết bị	03-15 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-07 năm
- Các tài sản khác	4-6 năm
- TSCĐ vô hình	03-10 năm

## **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## **5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;

- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Tổng doanh thu ghi nhận trong năm 2009 bao gồm doanh thu đã phát hành hoá đơn và doanh thu chưa phát hành hoá đơn. Trong đó, tổng doanh thu chưa phát hành hoá đơn là 48.923.447.326 đồng.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Lilama 3 được miễn giảm 50% thuế TNDN theo chế độ ưu đãi đối với doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá được quy định tại Nghị định 187/2004/NĐ – CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần và Nghị định 164/2003/NĐ – CP ngày 22/12/2003 về Quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

<b>1 . TIỀN</b>	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	2,401,039,519	978,379,542
Tiền gửi ngân hàng	8,119,116,046	8,016,836,126
<b>Cộng</b>	<b>10,520,155,565</b>	<b>8,995,215,668</b>
<b>2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác(Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng)	891,407,629	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>891,407,629</b>	<b>-</b>
<b>3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ phần hóa	18,689,000	107,236,350
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	4,608,595,146	7,957,233,478
<b>Cộng</b>	<b>4,627,284,146</b>	<b>8,064,469,828</b>
<b>4 . HÀNG TỒN KHO</b>	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4,607,534,666	3,700,093,874
Công cụ, dụng cụ	262,988,458	25,072,758
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	71,548,653,750	60,163,257,540
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	1,477,250,543	2,166,859,917
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Cộng</b>	<b>77,896,427,417</b>	<b>66,055,284,089</b>

\* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK trong năm

\* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ

\* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK

**5 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	12,476,225,711	18,831,986,417	28,959,828,618	1,764,952,156	62,032,992,902
Số tăng trong năm	7,493,471,470	1,417,542,594	-	202,683,940	9,113,698,004
- Mua trong năm		1,417,542,594	-	153,976,849	1,571,519,443
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7,493,471,470	-			7,493,471,470
- Tăng khác				48,707,091	48,707,091
Số giảm trong năm	-	17,000,000	772,890,000	-	789,890,000
- Thanh lý, nhượng bán		17,000,000	772,890,000		789,890,000
- Giảm khác	-				-
Số dư cuối năm	19,969,697,181	20,232,529,011	28,186,938,618	1,967,636,096	70,356,800,906
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3,523,300,517	9,186,553,469	16,915,751,708	1,305,808,319	30,931,414,013
Số tăng trong năm	1,516,538,465	2,108,685,663	2,286,586,494	171,898,075	6,083,708,697
- Khấu hao trong kỳ	1,516,538,465	2,108,685,663	2,286,586,494	171,898,075	6,083,708,697
- Tăng khác				-	-
Số giảm trong năm	-	17,000,000	772,890,000	-	789,890,000
- Thanh lý, nhượng bán		17,000,000	772,890,000		789,890,000
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	5,039,838,982	11,278,239,132	18,429,448,202	1,477,706,394	36,225,232,710
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	8,952,925,194	9,645,432,948	12,044,076,910	459,143,837	31,101,578,889
Tại ngày cuối năm	14,929,858,199	8,954,289,879	9,757,490,416	489,929,702	34,131,568,196

**6 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm		3,458,061,600	886,590,909		4,344,652,509
Số tăng trong năm		-	-		-
- Thuê tài chính trong năm		-	-		-
- Mua lại TSCĐ thuê TC					
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Trả lại TSCĐ thuê TC					
- Thanh lý, nhượng bán					
Số dư cuối năm		3,458,061,600	886,590,909		4,344,652,509

<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm		248784004	109,900,332		358,684,336
Số tăng trong năm		345,806,160	110,823,864		456,630,024
- <i>Khấu hao trong năm</i>		<i>345,806,160</i>	<i>110,823,864</i>		<i>456,630,024</i>
- <i>Mua lại TSCĐ thuê TC</i>			-		-
- <i>Tăng khác</i>					
Số giảm trong năm			-		
- <i>Trả lại TSCĐ thuê TC</i>			-		
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					-
Số dư cuối năm		594,590,164	220,724,196		815,314,360
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm		3,209,277,596	776,690,577		3,985,968,173
Tại ngày cuối năm		2,863,471,436	665,866,713		3,529,338,149

**7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm			30,000,000	1,030,000,000	1,060,000,000
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong năm</i>			-		-
- <i>Tăng khác</i>					
Số giảm trong năm				1,030,000,000	1,030,000,000
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					
- <i>Phân loại sang TK 242</i>				<i>1,030,000,000</i>	
Số dư cuối năm	-	-	30,000,000	-	30,000,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm			17,402,778	309,000,000	326,402,778
Số tăng trong năm	-	-	7,500,000	103,000,000	110,500,000
- <i>Khấu hao trong năm</i>			<i>7,500,000</i>	<i>103,000,000</i>	<i>110,500,000</i>
- <i>Tăng khác</i>					
Giảm trong năm				412,000,000	
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>				-	
- <i>Phân loại TK 242</i>				<i>412,000,000</i>	
Số cuối năm	-	-	24,902,778	-	24,902,778
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	-	12,597,222	721,000,000	733,597,222
Tại ngày cuối năm	-	-	5,097,222	-	5,097,222

<b>8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG</b>	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc	117,697,401,678	20,858,269,263
+ Xưởng sản xuất giấy Yên Lập	577,910,298	577,910,298
+ Nhà máy chế tạo cơ khí Quang Minh	3,653,999,414	7,685,417,817
+ Xây dựng biển quảng cáo	276,086,757	545,152,984
+ Các công trình khác	345,333,049	134,320,219
<b>Cộng</b>	<b>122,550,731,196</b>	<b>29,801,070,581</b>
<b>9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào công ty con		
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	691,484,985
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>691,484,985</b>
<b>10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN</b>	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
Chi phí thành lập doanh nghiệp		
Chi phí thương hiệu Lilama	618,000,000	
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2,447,289,608	2,097,030,641
<b>Cộng</b>	<b>3,065,289,608</b>	<b>2,097,030,641</b>
<b>11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN</b>	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn	40,463,355,536	47,067,738,398
Nợ dài hạn đến hạn trả	5,797,405,076	1,014,405,076
-Nợ thuê tài chính	1,014,405,076	1,014,405,076
+ Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng BIDV Việt Nam	1,014,405,076	1,014,405,076
- Nợ dài hạn đến hạn trả	4,783,000,000	-
+ Ngân hàng MB Việt Trì	750,000,000	-
+ Ngân hàng EXIMBANK Đống Đa	33,000,000	-
+ Ngân hàng BIDV Ba Đình	4,000,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>46,260,760,612</b>	<b>48,082,143,474</b>



12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	895,169,556	3,332,694,907
Thuế xuất, nhập khẩu	153,150,774	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,424,547,023	1,284,828,223
Thuế thu nhập cá nhân	-	43,237,280
Thuế tài nguyên	-	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-
Các loại thuế khác	465,416	19,638,054
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	117,519,728	117,519,728
<b>Cộng</b>	<b>2,590,852,497</b>	<b>4,797,918,192</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	686,243,332	346,348,582
Bảo hiểm y tế	481,604,488	137,777,626
Bảo hiểm xã hội	809,857,362	483,047,791
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18,559,315,917	4,774,461,219
- Dư có TK 3388	14,788,019,831	4,083,674,081
+Ban quản lý dự án Bạch Hạc	5,290,977,252	-
+Chi phí dự án nhà ở khu C1	1,400,392,018	-
+Xí nghiệp lắp máy và cơ khí 3-2	1,466,909,453	1,466,909,453
+Lãi vay Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	2,794,907,000	-
+Ban quản lý dự án N/M xi măng Hải Phòng mới	500,000,000	500,000,000
+ Các đối tượng khác	2,284,535,410	1,567,408,195
+Các đối tượng công nợ CN XN 3.4	1,050,298,698	549,356,433
-Dư có tài khoản 141	3,695,704,509	566,215,038
+ Đội LiLama 3.7 (Lê Tuấn Thẩm)	860,443,420	94,038,098
+Đội Lilama 3.14 (Bùi Thanh Quang)	601,883,303	111,656,781
+Nguyễn Đức Dũng	272,383,814	187,749,400
+Đội Lilama 3.13 (XN 3.4)	1,217,376,107	-
+Đội Lilama 3.14(XN3.4)	413,550,166	-
+ Các đối tượng khác	330,067,699	172,770,759
- Dư có TK 138	75,591,577	-
<b>Cộng</b>	<b>20,537,021,099</b>	<b>5,741,635,218</b>

14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>153,592,397,731</b>	<b>62,250,000,000</b>
Vay ngân hàng (*)	93,592,397,731	2,250,000,000
Vay Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	60,000,000,000	60,000,000,000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>268,500,137</b>	<b>1,342,500,669</b>
Thuê tài chính- Công ty tài chính ngân hàng BIDV Việt Nam	268,500,137	1,342,500,669
Trái phiếu phát hành		
Nợ dài hạn khác		
<b>Cộng</b>	<b>153,860,897,868</b>	<b>63,592,500,669</b>

(\*)Chi tiết vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Hợp đồng	Mục đích vay	Thời hạn	Dư tại thời điểm 31/12/2009	
				USD	VND
MB Bank Việt Trì	Số 07400361522 ngày 19/04/2007	Đầu tư xe cầu thủy lực bánh xích tải trọng nâng 70 tấn	51 tháng		1,500,000,000
EXIMBANK Đồng Đa	Số 1703-LAV-200900415 ngày 20/08/2009	Mua sắm thiết bị nhằm đầu tư cho dự án "Nâng cao năng lực thiết bị phục vụ thi công"	8 năm		333,507,817
BIDV Ba Đình	Số 01/2009/399106/HĐ TDM ngày 31/03/2009	Cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư Dự án nhà máy chế tạo cơ khí Quang Minh	60 tháng		17,000,000,000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đông Anh	Số 15/HĐTD-DH ngày 03/04/2009	Đầu tư xây dựng nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc	84 tháng		56,936,229,914
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đông Anh	Số 15/HĐTD-DH ngày 03/04/2009	Đầu tư xây dựng nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc	84 tháng	1,260,000	22,605,660,000
<b>Cộng</b>				<b>1,260,000</b>	<b>98,375,397,731</b>

Trong đó vay dài hạn đến hạn trả năm 2010 là 4.783.000.000 đồng (Xem chi tiết trên mục số 11)

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Xem chi tiết phụ lục 01)

15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước(Tổng công ty Lắp máy Việt Nam)	26,265,000,000	26,265,000,000
Vốn góp của Cổ đông khác	25,235,000,000	25,235,000,000
<b>Cộng</b>	<b>51,500,000,000</b>	<b>51,500,000,000</b>

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

Năm nay	Năm trước
VND	VND

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	51,500,000,000	51,500,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm		-
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	51,500,000,000	51,500,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3,908,850,000	5,799,150,000

**15.4. Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,150,000	5,150,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và đã góp đủ	5,150,000	5,150,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,150,000	5,150,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa góp đủ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,150,000	5,150,000
- Cổ phiếu phổ thông	5,150,000	5,150,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10,000	10,000

**15.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8,681,010,575	7,892,516,229
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5,150,000	5,150,000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,686	1,533

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	35,451,196,765	31,902,227,824
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	220,394,907,311	199,668,414,349

<b>Cộng</b>	<b>255,846,104,076</b>	<b>231,570,642,173</b>
<b>17 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	35,451,196,765	31,902,227,824
Doanh thu thuần dịch vụ		
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	220,394,907,311	199,668,414,349
<b>Cộng</b>	<b>255,846,104,076</b>	<b>231,570,642,173</b>
<b>18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	33,296,864,806	28,392,769,775
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	191,136,662,736	172,859,161,395
<b>Cộng</b>	<b>224,433,527,542</b>	<b>201,251,931,170</b>
<b>19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	255,370,192	1,174,410,266
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	869,342,948	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	
<b>Cộng</b>	<b>1,124,713,140</b>	<b>1,174,410,266</b>
<b>20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	9,532,181,240	13,021,046,453
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111,937,867	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1,238,580,000	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>10,882,699,107</b>	<b>13,021,046,453</b>
<b>21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,424,547,023	1,284,828,223
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>1,424,547,023</b>	<b>1,284,828,223</b>

**22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83,768,568,251	64,140,997,099
- Chi phí nhân công	37,711,213,049	36,282,537,400
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6,650,838,720	6,389,309,694
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	34,053,639,892	12,299,054,584
- Chi phí khác bằng tiền	12,601,573,375	27,316,052,185
<b>Cộng</b>	<b>174,785,833,287</b>	<b>146,427,950,962</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**-Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
<b>Các khoản phải thu</b>			
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Phải thu khối lượng hoàn thành	110,873,470,408
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Phải thu lãi vay	3,709,023,233
Công ty Cổ phần Lilama 69-2	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khối lượng hoàn thành	8,650,519,345
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khối lượng hoàn thành	1,125,626,380
Công ty Cổ phần Lilama 5	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khối lượng hoàn thành	10,510,250,150
Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khối lượng hoàn thành	154,499,999
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu giá trị hoàn thành chế tạo thiết bị- phần lõi ống	8,114,400
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu thuê máy hàn bulông	16,680,000
<b>Các khoản phải trả</b>			
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Phải trả tiền vật tư	34,856,215,241
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả tiền vật tư	355,740,000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục	Giá trị khoản phải thu (+) /phải trả (-)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	34,563,498,122
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Vay ngắn hạn	(60,000,000,000)

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Tổng Công ty	Lãi tiền vay 2009	2,794,907,000
Công ty Cổ phần Lilama 69-2	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	6,110,893,968
Công ty Cổ phần Lilama 45-1	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	661,698,987
Công ty Cổ phần Lilaama 7	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	153,500,000
Công ty Cổ phần Lilama 5	Thành viên Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	9,169,350,868
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	Thành viên Tổng Công ty	Phải trả người bán	16,680,000

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Asnaf Việt Nam thực hiện. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này (nếu có).

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Trần Việt Quân****Phạm Công Hoan****Phan Kim Lân**

**Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>51,500,000,000</b>	<b>14,250,000,000</b>	-	<b>110,393,409</b>	<b>55,196,705</b>	<b>7,352,371,087</b>	<b>73,267,961,201</b>
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước						7,892,516,229	7,892,516,229
Tăng khác				2,840,946,154	259,682,362		3,100,628,516
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Phân phối lợi nhuận						8,118,320,646	8,118,320,646
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>51,500,000,000</b>	<b>14,250,000,000</b>	-	<b>2,951,339,563</b>	<b>314,879,067</b>	<b>7,126,566,670</b>	<b>76,142,785,300</b>
Tăng vốn trong kỳ							-
Lãi trong kỳ						8,681,010,575	8,681,010,575
Tăng khác			16,670,369	1,679,454,034	157,850,323		1,853,974,726
Giảm vốn trong kỳ							-
Lỗ trong kỳ							-
Phân phối lợi nhuận (*)						5,904,004,680	5,904,004,680
Giảm khác						1,482,923,806	1,482,923,806
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>51,500,000,000</b>	<b>14,250,000,000</b>	<b>16,670,369</b>	<b>4,630,793,597</b>	<b>472,729,390</b>	<b>8,420,648,759</b>	<b>79,290,842,115</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết số 02/NQ-DHĐCĐ ngày 10 tháng 04 năm 2009, cụ thể như sau:

+Quỹ dự phòng tài chính	157,850,323
+Quỹ đầu tư phát triển	1,679,454,034
+Quỹ khen thưởng phúc lợi	157,850,323
+ Chia cổ tức năm 2008	3,908,850,000